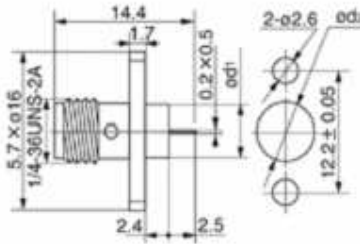


SMA connectors

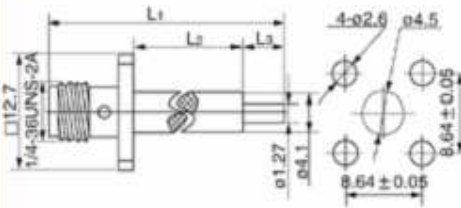
1. HC8090

Tần số hoạt động: DC-18GHz
 Chức năng: Bắt vào thành hộp



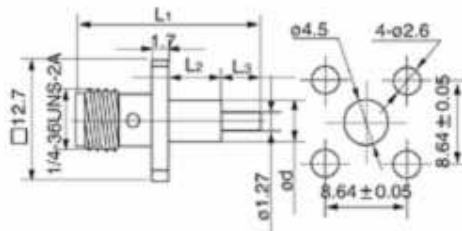
2. HC8089

Tần số hoạt động: DC-18GHz
 Chức năng: làm đầu dò cao tần



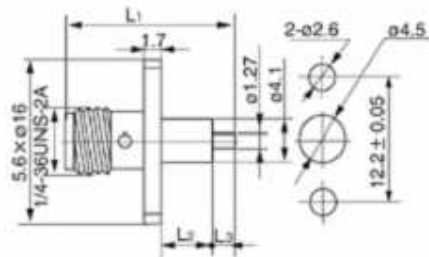
3. HC8077

Tần số hoạt động: DC-18GHz
 Chức năng: Bắt vào thành hộp



4. HC8076

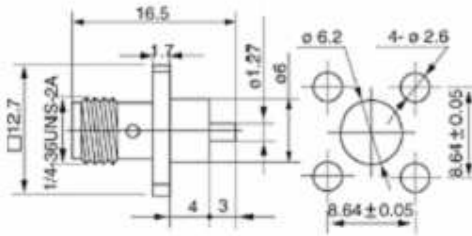
Tần số hoạt động: DC-18GHz
 Chức năng: Bắt vào thành hộp



5. HC8075

Tần số hoạt động: DC-18GHz

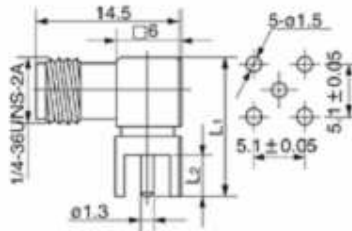
Chức năng: Bắt vào thành hộp



6. HC8059

Tần số hoạt động: DC-18GHz

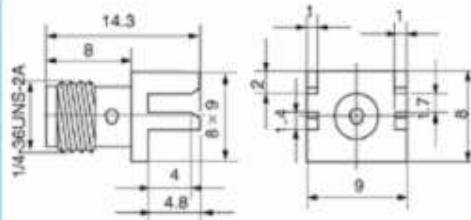
Chức năng: Hàn vào mạch in PCB



7. HC8051

Tần số hoạt động: DC-18GHz

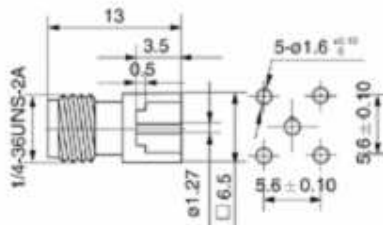
Chức năng: Cài vào mạch in PCB (dùng cho thử nghiệm mạch RF mà không cần dùng hộp)



8. HC8048

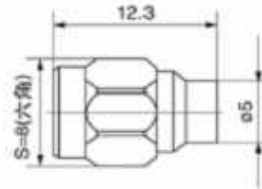
Tần số hoạt động: DC-18GHz

Chức năng: Hàn vào mạch in PCB



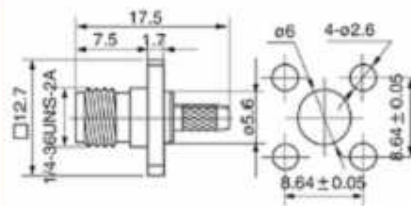
9. HC8040

Tần số hoạt động: DC-27GHz
Chức năng: Hàn vào cáp cứng RG405/U



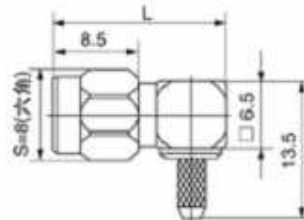
10. HC8033

Tần số hoạt động: DC-18GHz
Dùng với cáp RG174
Chức năng: Cung cấp tín hiệu kiểm tra ra thành hộp



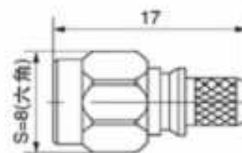
11. HC8028

Tần số hoạt động: DC-18GHz
Dùng với cáp RG223



12. HC8023

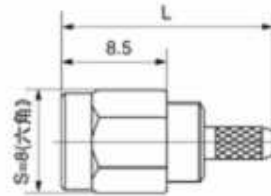
Tần số hoạt động: DC-18GHz
Dùng với cáp RG223



13. HC8022

Tần số hoạt động: DC-18GHz

Dùng với cáp RG174



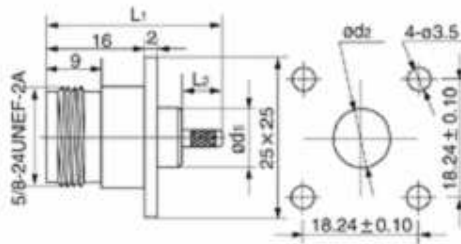
N Connector

1. HC8304

Tần số hoạt động: DC-12GHz

Dùng với cáp RG223

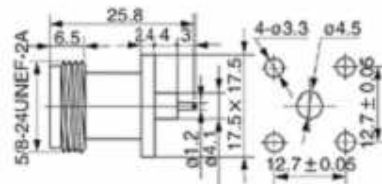
Chức năng: Cung cấp tín hiệu kiểm tra ra thành hộp



2. HC8360

Tần số hoạt động: DC-12GHz

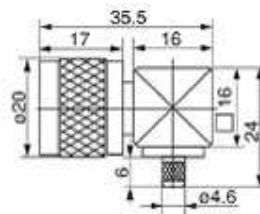
Chức năng: Bắt vào thành hộp



3. HC8293

Tần số hoạt động: DC-12GHz

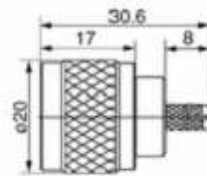
Dùng với cáp RG223



4.HC8291

Tần số hoạt động: DC-12GHz

Dùng với cáp RG223

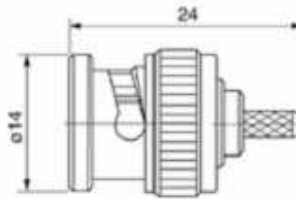


BNC connectors

1. HC8217

Tần số hoạt động: DC-4GHz

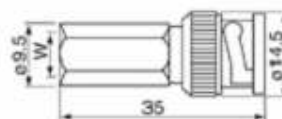
Dùng với cáp RG223



2. HC8220

Tần số hoạt động: DC-4GHz

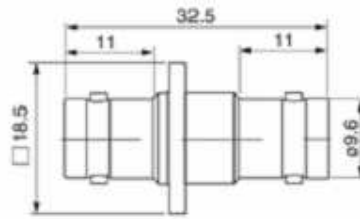
Dùng với cáp RG223



3. HC8279

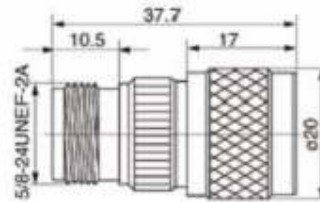
Tần số hoạt động: DC-6GHz

Chức năng: chuyển tiếp qua thành hộp

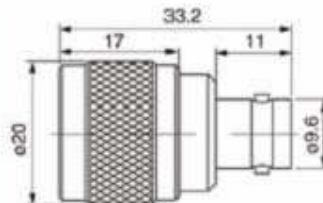


ADAPTER CONNECTORS

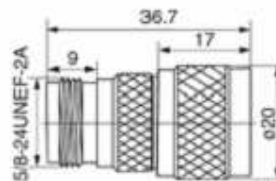
1. HC8716 (U-đực sang N-cái)



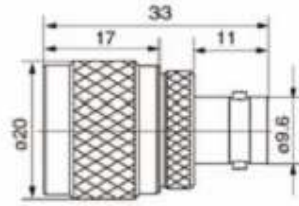
2. HC8720 (U-đực sang BNC-cái)



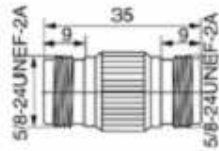
3. HC 8408 (N-đực sang N-cái)



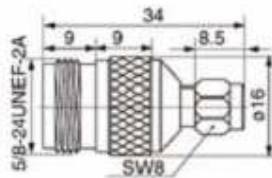
4. HC8699 (N-đực sang BNC-cái)



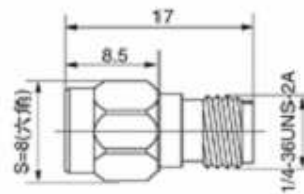
5. HC8407 (N-cái sang N-cái)



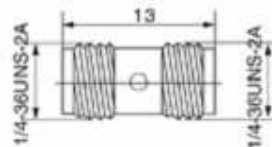
6. HC8671 (N-cái sang SMA-đực)



7. HC8099 (SMA-đực sang SMA-cái)



8. HC8098 (SMA-cái sang SMA-cái)



9. HC8082 (Bộ chia)



10. BNC (Cái-Cái) Cách ly đất



11. BNC cho đồng hồ vạn năng



Hiện tại công ty đang có 1km cáp RG174 trong kho



P/N	RG174
RG-Type	174

Structure

1	Inner conductor Ømm	Bare copper 7x0.16
2	Dielectric Ømm	Solid PE 1.52
3	Braid conductor Ømm	Tinned copper 2.05
4	Jacket Ømm	PVC 2.60

Electrical Characteristics

Capacitance (pF/m)	101.05
Impedance (ohm)	50
Velocity (%)	66
Bending radius (mm)	10
Max. operating voltage (VMS)	1500
Max. operating frequency (MHz)	1000
Operating Temp. (°C)	-20 to 80

Attenuation (Typical) (dB/m)

Frequency	Attenuation (Typical) (dB/m)
100 MHz	0.276
400 MHz	0.558
1000 MHz	0.899
3000 MHz	-

Application

Coaxial cables are used in high frequency transmission, especially for transmitters and receivers, computers, radio and TV transmissions. The varied mechanical, thermal and electronic properties of Coaxial cables mean that they can be used up into the GHz levels, as per cable type.

PTFE	- Polytetrafluoroethylene	StCu-silverplated	- Silverplated Copper Clad Steel
Solid PE	- Polyethylene	StCu	- Copper Clad Steel
FEP	- Fluorinated Ethylene Propylene	FPE	- Physical foam polyethylene
Cu-silverplated	- Silverplated Copper		

Công ty đang có 500m cáp RG223 trong kho



P/N	RG223
RG-Type	223

Structure

1	Inner conductor Ømm	Cu-silverplated 0.90
2	Dielectric Ømm	PE 2.95
3	Braid conductor Ømm	Double Cu-silverplated 3.95
4	Jacket Ømm	PVC 5.30

Electrical Characteristics

Capacitance (pF/m)	101.05
Impedance (ohm)	50
Velocity (%)	66
Bending radius (mm)	25
Max. operating voltage (VMS)	1900
Max. operating frequency (MHz)	12400
Operating Temp. (°C)	-40 to 80

Attenuation (Typical) (dB/m)

Frequency	Attenuation (Typical) (dB/m)
100 MHz	0.131
400 MHz	0.269
1000 MHz	0.440
3000 MHz	0.814
5000 MHz	1.090
11000 MHz	1.775

Application

Coaxial cables are used in high frequency transmission, especially for transmitters and receivers, computers, radio and TV transmissions. The varied mechanical, thermal and electronic properties of Coaxial cables mean that they can be used up into the GHz levels, as per cable type.

PTFE	- Polytetrafluoroethylene	SiCu-silverplated	- Silverplated Copper Clad Steel
Solid PE	- Polyethylene	SiCu	- Copper Clad Steel
FEP	- Fluorinated Ethylene Propylene	FPE	- Physical foam polyethylene
Cu-silverplated	- Silverplated Copper		

Công ty đang có 100m cáp cứng RG405